CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HSX: HUB)

FireAnt

Ngày 31/12/2025	15,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-2.2%**	**-4.6%**

ROE — 2025: **11.1%** | +/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần — *Q4/25*: **62.6** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 21.1 / ▼ 25.2% | YoY: ▼ 16.2 / ▼ 20.5%

DT thuần — *2025*: **305** *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 4.00 / ▼ 1.2%

LN gộp — *Q4/25*: **19.2** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 4.70 / ▼ 19.5% | YoY: ▲ 5.20 / ▲ 37.4%

LN gộp — *2025*: **79.0** *tỷ VNĐ* | YoY: ▼ 0.30 / ▼ 0.4%

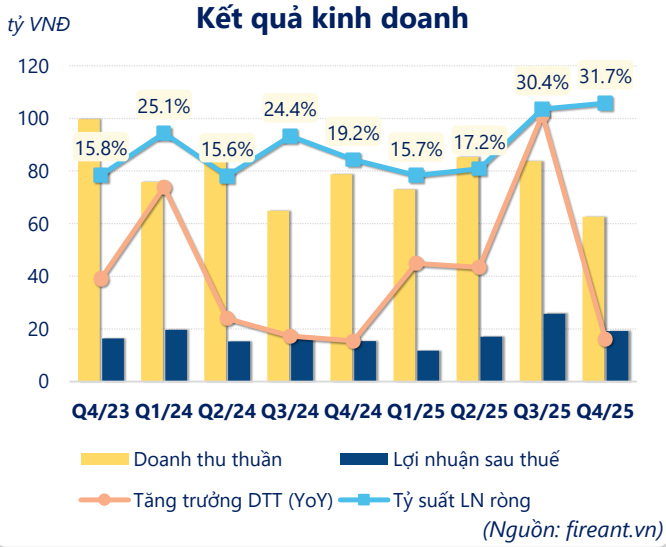
LN thuần — *Q4/25*: **19.0** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 16.5 / ▼ 46.4% | YoY: ▲ 4.60 / ▲ 32.0%

LN thuần — *2025*: **89.5** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 6.90 / ▲ 8.4%

LN sau thuế — *Q4/25*: **19.2** *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 6.50 / ▼ 25.2% | YoY: ▲ 3.90 / ▲ 25.6%

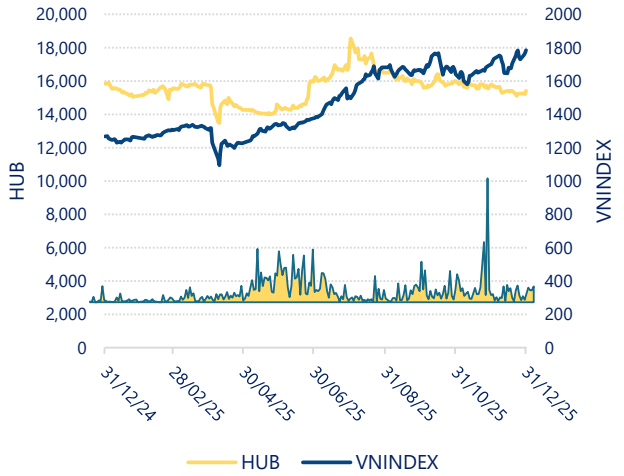
LN sau thuế — *2025*: **73.9** *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 2.70 / ▲ 3.7%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

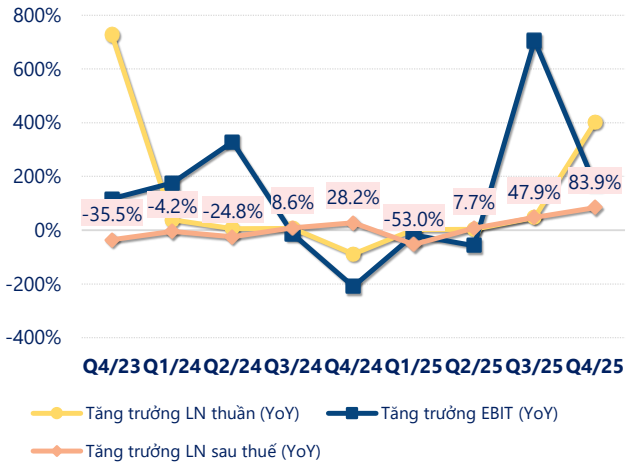
Lịch sử giá



CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HSX: HUB)

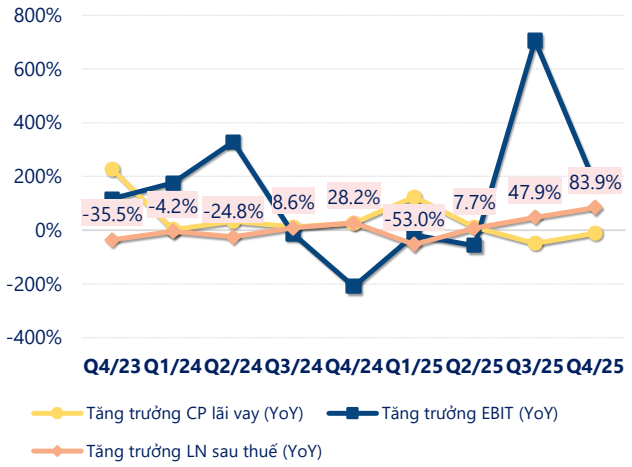
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



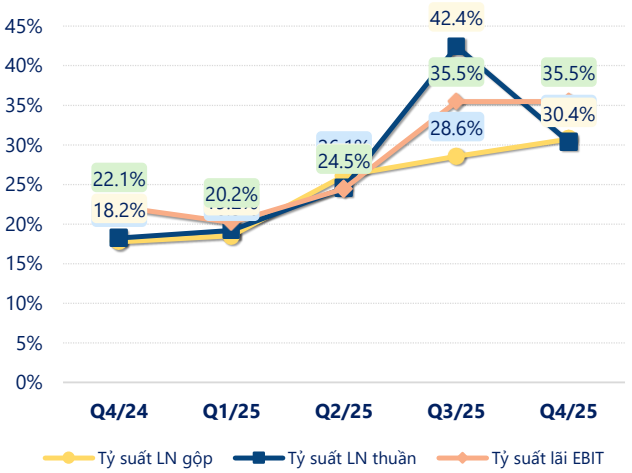
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



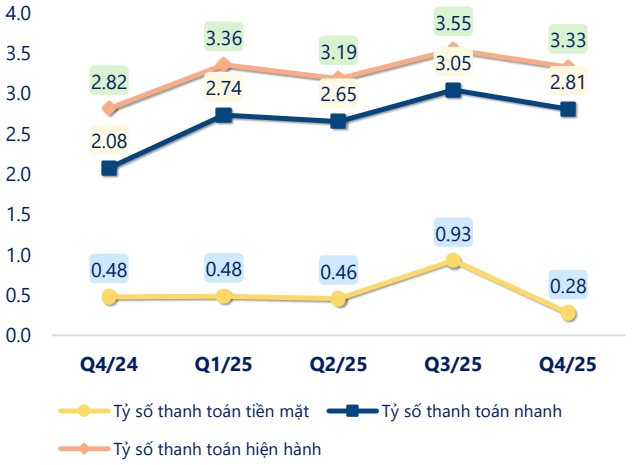
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



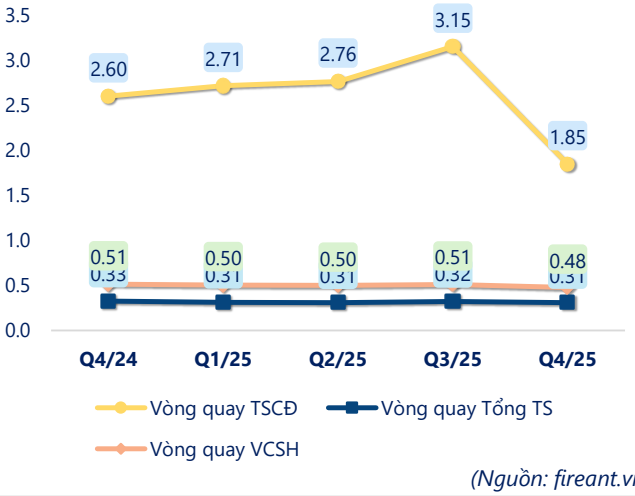
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



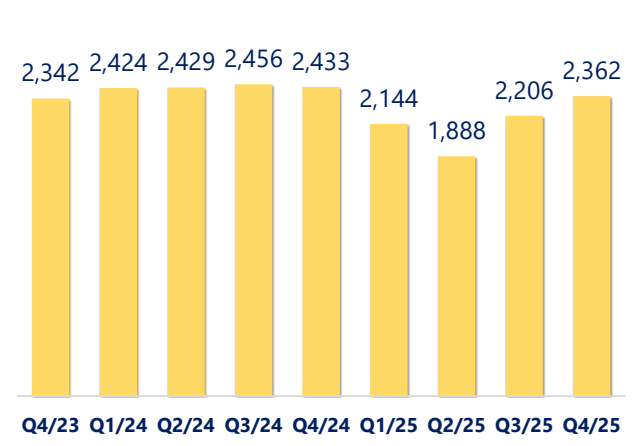
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

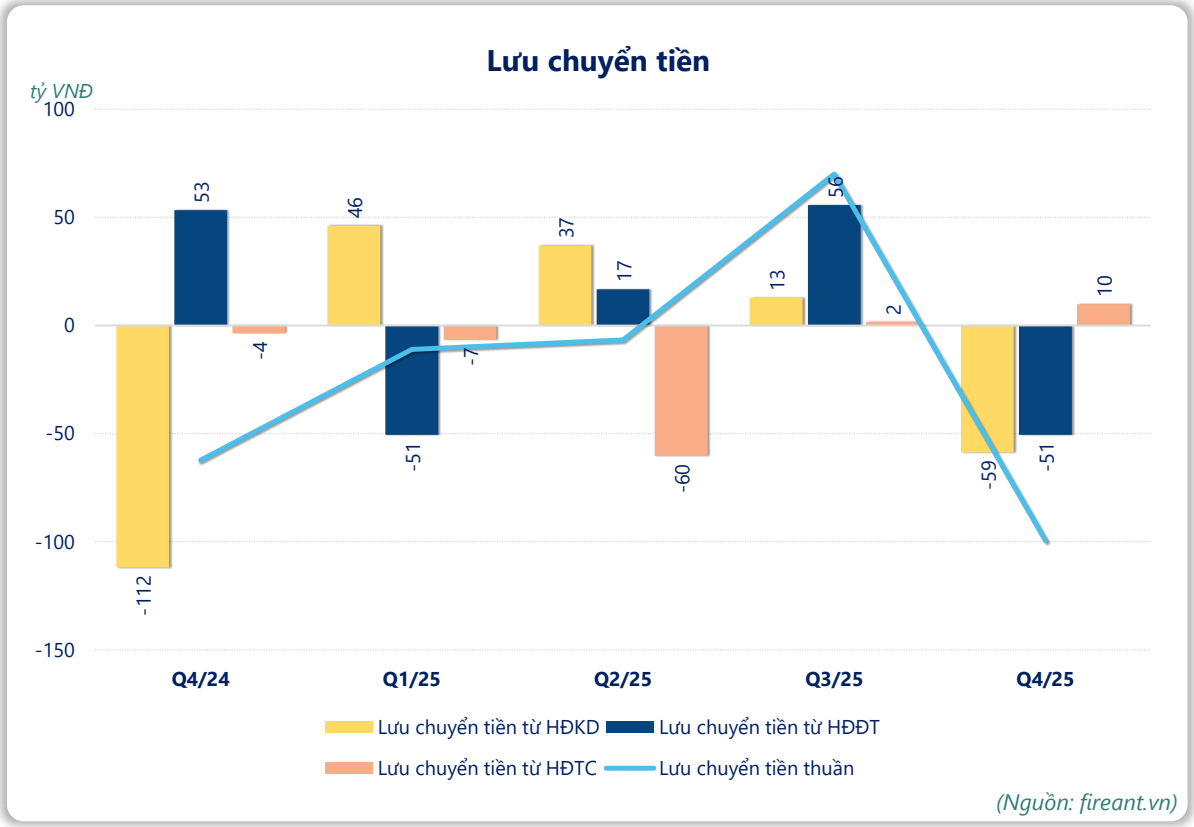


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế (HSX: HUB)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**62.6**	**78.8**	**-20.5%**	**305**	**309**	**-1.2%**
Giá vốn hàng bán	43.4	64.8	-33.1%	226	229	-1.5%
Lợi nhuận gộp	19.2	14.0	37.4%	79.0	79.3	-0.4%
Doanh thu HĐTC	4.19	4.74	-11.6%	32.9	12.0	175%
Chi phí TC	0.07	0.72	-90.9%	1.45	2.14	-32.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.72	-90.9%	1.45	2.03	-28.4%
LN trong công ty LKLD	**11.7**	**13.1**	**-11.0%**	**31.2**	**30.6**	**2.1%**
Chi phí bán hàng	0.66	2.40	-72.6%	4.61	5.86	-21.4%
Chi phí QLDN	**15.4**	**14.3**	**7.4%**	**47.5**	**31.2**	**52.3%**
LN thuần từ HĐKD	19.0	14.4	32.0%	89.5	82.6	8.4%
Lợi nhuận khác	**3.12**	**2.37**	**31.7%**	**-3.46**	**0.61**	**-670%**
LN trước thuế	22.1	16.7	32.5%	86.1	83.2	3.4%
Lợi nhuận sau thuế	**19.2**	**15.3**	**25.6%**	**73.9**	**71.2**	**3.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.9**	**15.1**	**31.6%**	**71.4**	**67.9**	**5.2%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)